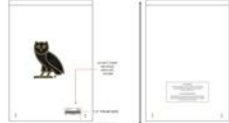
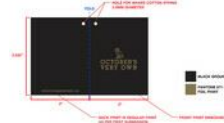
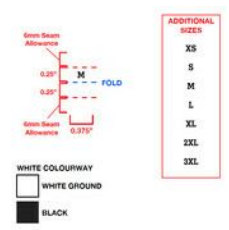
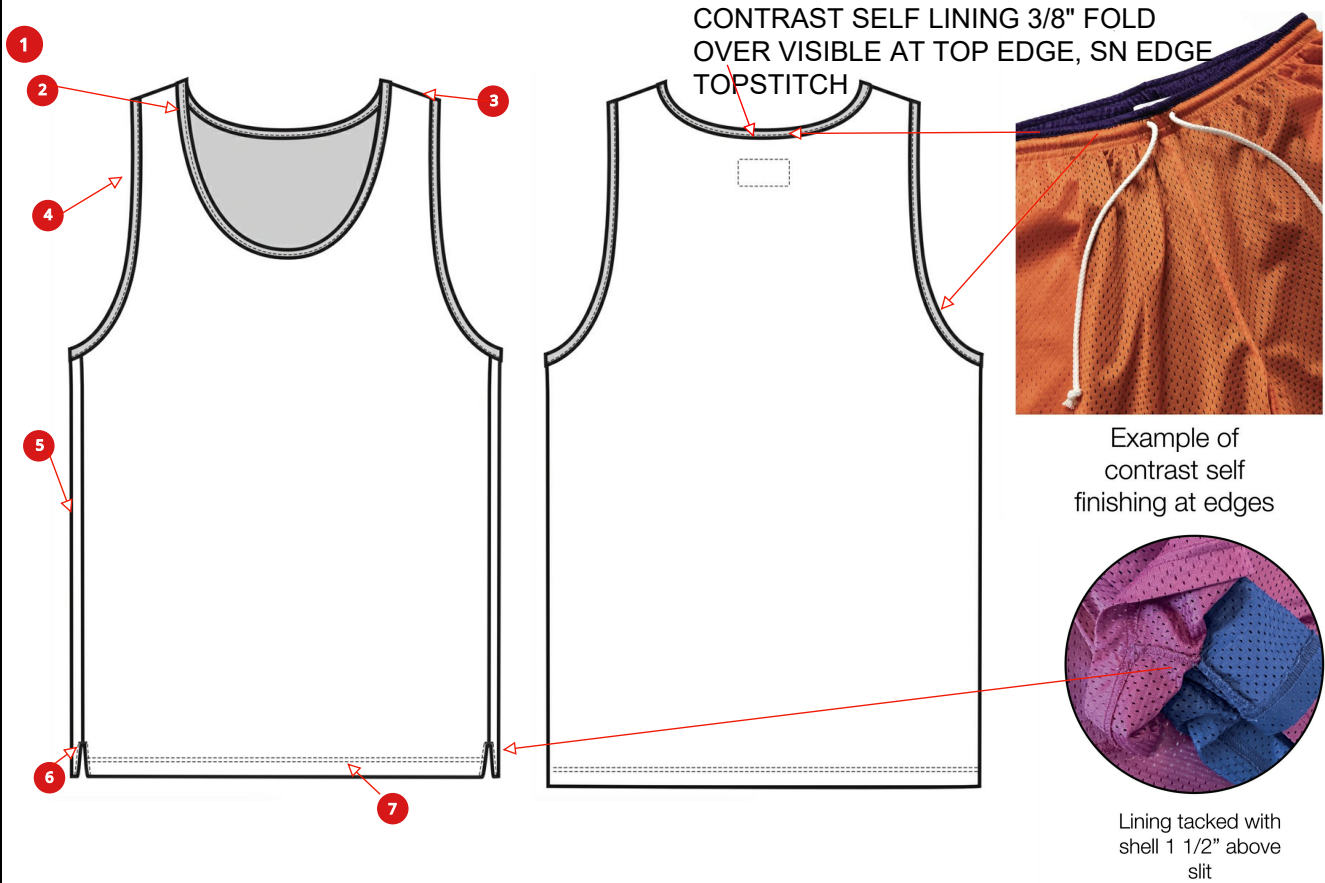


Article Summary							Version 1		
	Article Code	M-0226-KT-6736		MESH - 100% POLYESTER, 230GSM-MA-061 (FB-K692)	Product Group	TOP			
	Article Name	MESH TANK			Product Sub-Category	TANK			
	Created On	05-05-2025 1:41:28 PM			Season	Q2 2026			
	Last Modified	06-19-2025 11:46:46 AM			Life Cycle Stage	Development			
Gender Classification		Mens	Sub Class D	Graphic	Fabrication	ONE PIECE			
Supplier		UN-AVAILABLE CO. LTD	Release Date	01 May 2026	Ex-Factory	03 Feb 2026			
							COLORS		
								BLACK (BK) BLACK	
								BIKING RED (BRD) 19-1650 TCX DEEP RED	
								CARTOUCHE (CTE) 17-1325 TCX CAMEL	
SIZES									
001, 002, 003, 004, 005, 006, 007									

Bill of Materials											Version 1	
	Article Code	M-0226-KT-6736		MESH - 100% POLYESTER, 230GSM-MA-061 (FB-K692)			Product Group	TOP				
	Article Name	MESH TANK					Product Sub-Category	TANK				
	Created On	05-05-2025 1:41:28 PM	Material				Season	Q2 2026				
	Last Modified	06-19-2025 11:46:46 AM	Description				Life Cycle Stage	Development				
Part	Material		Placement		Qty.	UOM.	Comments	Supplier	Supplier Ref.	BK BLACK	BRD BIKING RED	CTE CARTOUCHE
Fabric												
BODY	MESH - 100% POLYESTER, 230GSM-MA-061 (FB-K692)		BODY, CONTRAST LINING		0	Meter				None	None	None
Trims												
SEE PLACEMENT FOR DETAILS	CC LABEL - APPAREL (LT110) White Satin ground, Black text COO, Content, and Care Instructions may vary by style.				1	Each		Laven Industries Ltd.		None	None	None
SEE PLACEMENT FOR DETAILS	POLY BAG - GENERIC (PK101) Clear Plastic, with suffocation warning on back, UPC sticker placement on bottom right corner of bag.				1	Each		Vendor Sourced		None	None	None
SEE PLACEMENT FOR DETAILS	UPC STICKER- 1" X 2.5" (TR-ST114) PLEASE PRINT WITH THERMAL PRINTER				1	Each				None	None	None
SEE PLACEMENT FOR DETAILS	OVO 2023 Booklet Hangtag (TR-HG142) Article code: HTOVO141A				1	Each		Reca Mainetti Asia Ltd	HTOVO14 1A	None	None	None
SEE PLACEMENT FOR DETAILS	TEAR-AWAY COO TAB: OVOF21_217_T (LT138) COUNTRY OF ORIGIN TAB		SINGLE STITCH- EASILY REMOVABLE		1	Each		Reca Mainetti Asia Ltd		None	None	None
SEE PLACEMENT FOR DETAILS	5mm GROSGRAIN RIBBON LOOP (TR-TV140) FOR HANGTAG ATTACHMENT		FOR HANGTAG ATTACHMENT		1	Each		Vendor Sourced		None	None	None
	TEE MAIN LABEL-LBOVO151 (TR-LT251) LBOVO151				1	Each		Reca Mainetti Asia Ltd		None	None	None
	OVO 2023 Alpha Sizing Tab (TR-LT246) ARTICLE: OVOW23_181_T/ LBOVO175				1	Each		Reca Mainetti Asia Ltd	LBOVO17 5	None	None	None
Graphics												
	TBD - SEE ARTWORK FILE (HT-102)				0	Each				None	None	None

Bill of Materials Material Image Sheet							Version 1
	Article Code	M-0226-KT-6736		MESH - 100% POLYESTER, 230GSM-MA-061 (FB-K692)	Product Group	TOP	
	Article Name	MESH TANK			Product Sub-Category	TANK	
	Created On	05-05-2025 1:41:28 PM			Season	Q2 2026	
	Last Modified	06-19-2025 11:46:46 AM			Life Cycle Stage	Development	
							
FB-K692 MESH - 100% POLYESTER, 230GSM-MA-061	LT110 CC LABEL - APPAREL		PK101 POLY BAG - GENERIC	TR-ST114 UPC STICKER- 1" X 2.5"	TR-HG142 OVO 2023 Booklet Hangtag	LT138 TEAR-AWAY COO TAB: OVOF21_217_T	
							
TR-TV140 5mm GROSGRAIN RIBBON LOOP	TR-LT251 TEE MAIN LABEL- LBOVO151		TR-LT246 OVO 2023 Alpha Sizing Tab				

Construction Details - Tank Top				version 1	
Article Code	M-0226-KT-6736	Material Description	MESH - 100% POLYESTER, 230GSM-MA-061 (FB-K692)	Product Group	TOP
Article Name	MESH TANK			Product Sub-Category	TANK
Created On	05-05-2025 1:41:28 PM			Season	Q2 2026
Last Modified	06-19-2025 11:46:46 AM			Life Cycle Stage	Development



Comments

- FULLY SELF CONTRAST LINED (REVERSIBLE)
JOINED AT NECK, ARMHOLE AND SIDE SEAMS, AND
TACKED AT SIDE SEAMS 1 1/2" ABOVE SLIT

Toàn bộ thêm vải phối bên trong (có thể
lộn mặt trong ra)
Nối 2 thân ở cổ, nách, sườn và đính 2 lớp
chính và phối lại với nhau. cách xẻ tà 1 1/2"

- NECKBAND:
SELF CLEAN FINISHED WITH SELF CONTRAST, EDGES ARE
MOCK SAFETY SERGED, CONTRAST SELF LINING 3/8"
FOLD OVER VISIBLE AT NECK OPENING EDGE, SN EDGE
TOPSTITCH TO HOLD IN PLACE.

Cổ áo: may sạch với bằng vải phối, mép vắt sổ.
Phối bên trong lộ 3/8" ra bên ngoài tại nác cổ và
điều 1k để giữ lại.

- SHOULDER SEAM
MOCK SAFETY SERGED, 512

Sườn áo : vắt sổ

- ARMHOLE:
SELF CLEAN FINISHED WITH SELF CONTRAST, EDGES ARE
MOCK SAFETY SERGED, CONTRAST SELF LINING 3/8"
FOLD OVER VISIBLE AT ARMHOLE EDGE, SN EDGE
TOPSTITCH TO HOLD IN PLACE.

Nách áo may sạch với bằng vải phối, mép vắt
sổ.
Phối bên trong lộ 3/8" ra bên ngoài tại nác cổ
và điều 1k để giữ lại.

- SIDE SEAM
MOCK SAFETY SERGED, 512
- Sườn áo : vắt sổ

- SIDE SLIT
Slit along side seam at bottom opening. Self fold in to clean finish
Inside. 1/4" SN topstitch to body. TACK SELF AND SELF
CONTRAST LINING TOGETHER, 1 1/2" ABOVE SLIT

Xẻ sườn:
Xẻ sườn ở lai áo, gấp vào may sạch bên
trong. Điều 1k 1/4". đính 2 lớp chính
và phối lại với nhau. cách xẻ tà 1 1/2"

- BODY HEM:
SELF TURNED WITH 2 NDL COVERSTITCH, 1/4" GAUGE

Lai áo: Gấp vào điều 2k 1/4"

Measurement Sheet - Tank Top					All measurements are in Inch		Version 1
	Article Code	M-0226-KT-6736		MESH - 100% POLYESTER, 230GSM-MA-061 (FB-K692)	Product Group	TOP	
	Article Name	MESH TANK			Product Sub-Category	TANK	
	Created On	05-05-2025 1:41:28 PM	Material		Season	Q2 2026	
	Last Modified	06-19-2025 11:46:46 AM	Description		Life Cycle Stage	Development	

POM Cod e	POM Name		-Tol	+Tol	Grad e	XXS	XS	S	M	L	XL	XXL	3XL
A101	Back body length from HPS : Top	Dài thân sau từ cao vai	1/2	1/2	Mixed	26 1/2	27	27 1/2	28	28 1/2	29 1/2	30 1/2	31 1/2
H101	Neck width: seam to seam (wide neck)	Ngang cổ từ đm đến đm	1/4	1/4	Mixed	8 1/2	8 1/2	8 7/8	9 1/4	9 5/8	10	10 3/8	10 3/4
H201	Front neck drop from HPS : Crew	Hạ cổ trước từ cao vai	1/8	1/8	Mixed	5 1/8	5 1/8	5 3/16	5 1/4	5 5/16	5 7/16	5 9/16	5 11/16
H301	Back neck drop from HPS Crew	Hạ cổ sau từ cao vai	1/8	1/8	Mixed	1 1/8	1 1/8	1 3/16	1 1/4	1 5/16	1 7/16	1 9/16	1 11/16
D102	Shoulder slope: from HPS, seam to seam	Xuôi vai - từ cao vai, từ đm đến đm	1/8	1/8	Mixed	5/8	11/16	3/4	3/4	3/4	13/16	7/8	15/16
D103	Shoulder displacement to front	Chồm vai	1/8	1/8	0	1/2	1/2	1/2	1/2	1/2	1/2	1/2	1/2
D101	Shoulder width: seam to seam, on CB body (Tank):	Ngang vai: từ đm đến đm , ở giữa cổ sau	3/8	3/8	Mixed	12	12	12 3/8	12 3/4	13 1/8	13 1/2	13 7/8	14 1/4
B301	Across: Chest: seam to seam, at mid. AH (Tank)	Ngang ngực: từ đm đến đm, ở giữa hõm nách	1/4	1/4	Mixed	11	11	11 3/8	11 3/4	12 1/8	12 1/2	12 7/8	13 1/4
B201	Across Back: seam to seam, at mid. AH (Tank)	Ngang lưng: từ đm đến đm, ở giữa hõm nách	1/4	1/4	Mixed	11 1/4	11 1/4	11 5/8	12	12 3/8	12 3/4	13 1/8	13 1/2
B101	Chest width :1" below armhole	Ngang ngực: dưới nách 1"	1/2	1/2	Mixed	19	20	21	22	23	24 1/2	26	27 1/2
C101	Bottom width at band:inside fold edges of band/he	Ngang lai tại mép	1/2	1/2	Mixed	18	19	20	21	22	23 1/2	25	26 1/2
E 101	Armhole Straight: seam to seam (Tank)	Nách đo thẳng - từ đm đến đm	1/4	1/4	Mixed	10 1/8	10 1/2	10 7/8	11 1/4	11 5/8	12 1/8	12 5/8	13 1/8
Q201	Side slit length	Dài xẻ tà	1/8	1/8	0	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2	2 1/2
Q403	Side slit topstitch width	Rộng điều xẻ tà	1/8	1/8	0	1/4	1/4	1/4	1/4	1/4	1/4	1/4	1/4
A701	Body hem depth	Cao lai áo	1/8	1/8	0	1	1	1	1	1	1	1	1
F702	CONTRAST FOLD OVER width	Rộng chồm vải phối trong tại nách/ cổ	1/8	1/8	0	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8	3/8
H404	Minimum Neck Stretch	Giãn cổ tối thiểu	0	1/2	0	24	24	24	24	24	24	24	24

CM of Measurement Sheet - Tank Top					All measurements are in CM		Version 1
	Article Code	M-0226-KT-6736		MESH - 100% POLYESTER, 230GSM-MA-061 (FB-K692)	Product Group	TOP	
	Article Name	MESH TANK			Product Sub-Category	TANK	
	Created On	05-05-2025 1:41:28 PM	Material Description		Season	Q2 2026	
	Last Modified	06-19-2025 11:46:46 AM			Life Cycle Stage	Development	

	POM Code	POM Name	-Tol	+Tol	Grade	XXS	XS	S	M	L	XL	XXL	3XL
!	A101	Back body length from HPS : Top	1.27	1.27	0	67.31	68.58	69.85	71.12	72.39	74.93	77.47	80.01
!	H101	Neck width: seam to seam (wide neck)	0.635	0.635	0	21.59	21.59	22.5425	23.495	24.4475	25.4	26.3525	27.305
!	H201	Front neck drop from HPS : Crew	0.3175	0.3175	0	13.0175	13.0175	13.1762	13.335	13.4938	13.8113	14.1287	14.4463
	H301	Back neck drop from HPS Crew	0.3175	0.3175	0	2.8575	2.8575	3.0162	3.175	3.3338	3.6513	3.9687	4.2863
!	D102	Shoulder slope: from HPS, seam to seam	0.3175	0.3175	0	1.5875	1.7462	1.905	1.905	1.905	2.0638	2.2225	2.3813
	D103	Shoulder displacement to front	0.3175	0.3175	0	1.27	1.27	1.27	1.27	1.27	1.27	1.27	1.27
!	D101	Shoulder width: seam to seam, on CB body (Tank):	0.9525	0.9525	0	30.48	30.48	31.4325	32.385	33.3375	34.29	35.2425	36.195
!	B301	Across: Chest: seam to seam, at mid. AH (Tank)	0.635	0.635	0	27.94	27.94	28.8925	29.845	30.7975	31.75	32.7025	33.655
!	B201	Across Back: seam to seam, at mid. AH (Tank)	0.635	0.635	0	28.575	28.575	29.5275	30.48	31.4325	32.385	33.3375	34.29
!	B101	Chest width :1" below armhole	1.27	1.27	0	48.26	50.8	53.34	55.88	58.42	62.23	66.04	69.85
!	C101	Bottom width at band:inside fold edges of band/he	1.27	1.27	0	45.72	48.26	50.8	53.34	55.88	59.69	63.5	67.31
!	E101	Armhole Straight: seam to seam (Tank)	0.635	0.635	0	25.7175	26.67	27.6225	28.575	29.5275	30.7975	32.0675	33.3375
	Q201	Side slit length	0.3175	0.3175	0	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35
	Q403	Side slit topstitch width	0.3175	0.3175	0	0.635	0.635	0.635	0.635	0.635	0.635	0.635	0.635
	A701	Body hem depth	0.3175	0.3175	0	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54	2.54
	F702	CONTRAST FOLD OVER width	0.3175	0.3175	0	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525	0.9525
!	H404	Minimum Neck Stretch	0	1.27	0	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96	60.96

NOTES
REFERENCE: Q3/Q4 2023 GRAPHIC TEE